

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ
GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;
Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Hành chính sơ thẩm số 25/2019/QĐST-HC ngày 18 tháng 9 năm 2019.

Tòa án nhân dân tỉnh N đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38; Điều 143; Điều 144 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc khiếu kiện: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Dương Công L, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện B, tỉnh N.

Người đại diện được ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc Thụy, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thụy Hoàng – Đoàn luật sư tỉnh N.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) tỉnh N; Địa chỉ: số 18, đường T, thành phố N, tỉnh N. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hồng B; Chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nhữ Văn T; Chức vụ: Phó Chủ tịch.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh N; Địa chỉ: Số 132, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố N, tỉnh N; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T; Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H; Chức vụ: Phó Giám đốc.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh N; Địa chỉ Tổ 2, thị trấn S, huyện B, tỉnh N; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh G; Chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá C; Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Tại đơn kháng cáo ngày 27/9/2019, Ông Dương Công L kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 25/2019/QĐST-HC ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

1. Tại Quyết định số 330/QĐ-UB ngày 23/02/2004 của UBND tỉnh N, đã quyết định thu hồi 38.250m² trên địa bàn Thị trấn S, huyện B, tỉnh N để giao cho UBND huyện B sử dụng vào mục đích xây dựng khu xử lý rác thải của Thị trấn S, huyện B. Trong phần diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 330/QĐ-UB ngày 23/02/2004 có Thửa đất số 790, Tờ bản đồ số 01, Diện tích 6.672m² được xác định là của Hợp tác xã Quyết Tiến. Căn cứ Điều 2 của Quyết định số 330/QĐ-UB, UBND huyện B phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N tiến hành các trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất và ban hành quyết định phê duyệt dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho Hợp tác xã Quyết Tiến đối với thửa đất nêu trên.

2. Ông Dương Công L cho rằng Thửa đất số 790, Tờ bản đồ số 01, diện tích 6.672m² là của gia đình đã khai hoang từ năm 1980, sử dụng ổn định, hàng năm đóng thuế đầy đủ, không tranh chấp với ai, nên Quyết định số 330/QĐ-UB xác định đối tượng bị thu hồi diện tích đất của Hợp tác xã Quyết Tiến là không đúng pháp luật. Xét quan điểm của ông L, xét thấy: Căn cứ Báo cáo số 53/BC-UBND ngày 19/8/2019 của UBND Thị trấn S thể hiện Thửa đất số 790, Tờ bản đồ số 01, Diện tích 6.672m² là do Hợp tác xã Quyết Tiến quản lý và sử dụng để làm khu chăn thả gia súc. Tuy nhiên đến năm 1985-1986, Ông Dương Công L có ra sử dụng để trồng cây hàng năm, nhưng năm làm, năm bỏ, không sử dụng liên tục, từ năm 1992 đến năm 2004 ông L không sử dụng. Năm 2004, Ông Dương Công L không có thửa đất nào nằm trong diện tích thực hiện dự án khu xử lý rác thải, khi quy hoạch dự án khu xử lý rác thải đã tổ chức họp nhân dân Quyết Tiến để lấy ý kiến vào quy hoạch, do vậy ông L có biết việc thu hồi đất. Thửa đất số 790, Tờ bản đồ số 01, Diện tích 6.672m², theo Tờ bản đồ 29 (Bản đồ 299) là một phần diện tích tại Thửa đất số 3. Qua kiểm tra Sổ đăng ký ruộng đất năm 1992, thì ông L không kê khai thửa đất này, năm 2002 đến 2004 thực hiện việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) theo bản đồ địa chính, kiểm tra sổ địa chính, sổ mục kê thì ông L không kê khai Thửa đất số 790, Tờ bản đồ số 01 mà chỉ kê khai các thửa đất đang sử dụng. Do vậy, ông L không được cấp GCNQSDĐ và không thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp thuế). Cung cấp của UBND Thị trấn S phù hợp với Biên bản lấy ý kiến Khu dân cư ngày 13/3/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B; Sổ đăng ký ruộng đất lập 1992 và Sổ Địa chính lập từ 2002 đến nay, thể hiện Ông Dương Công L không có tên trong diện tích đất bị thu hồi nêu trên; Sổ mục kê giai đoạn từ 2002 đến nay, tại Trang số 03, Tờ bản đồ số 01, Thửa số 790 được thể hiện là Bãi rác thải; Danh sách các chủ sử dụng đất thu hồi kèm theo

Quyết định số 330/QĐ-UB ngày 23/02/2004 của UBND tỉnh N bao gồm 08 (tám) hộ dân, Hợp tác xã Quyết Tiến (trong đó có Thửa đất số 790, Tờ bản đồ số 01, Diện tích 6.672m²) và UBND thị trấn S đều đã có Bản tự kê khai đền bù, Biên bản kiểm tra xác nhận tài sản và hoa màu trên đất. Việc ông L cho rằng đất khai hoang từ năm 1980, sử dụng ổn định, hàng năm đóng thuế đầy đủ là không có cơ sở, vì gia đình Ông Dương Công L không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất theo Luật Đất đai năm 1987, 1993 và 2003, không có tên trong Bản đồ và Sổ địa chính, Sổ mục kê của địa phương qua các thời kỳ, mặt khác tại các lời khai những người làm chứng do Luật sư cung cấp đều thể hiện đất là của Hợp tác xã, ông L tự ra sử dụng. Do vậy, Quyết định số 330/QĐ-UB ngày 23/02/2004 xác định đối tượng là diện tích đất bị thu hồi của Hợp tác xã Quyết Tiến là đúng pháp luật, quyết định này không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ông Dương Công L.

3. Ngày 08/6/2015, Ông Dương Công L khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 330/QĐ-UB ngày 23/02/2004 của UBND tỉnh N. Xét thấy, tại đơn đề nghị ngày 11/6/2013 trình bày với nội dung: “năm 2004 huyện B làm bãi rác, có thu hồi đất của gia đình tôi hơn một mẫu ở bờ ngoài, thuộc loại 6, vì đền bù không thỏa đáng gia đình tôi không nhận...”. Như vậy, tính từ thời điểm ông L biết việc thu hồi đất nên có đơn đề nghị ngày 11/6/2013, đến thời điểm ngày 08/6/2015, ông L khởi kiện quyết định thu hồi của UBND tỉnh N đã quá thời hạn 01 (một) năm và hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 (Điều 116 Luật TTHC năm 2015). Mặt khác, tại Công văn số 340/UBND-TNMT ngày 02/6/2014 của UBND huyện B, trả lời đơn đề nghị của Ông Dương Công L yêu cầu trả lại diện tích đất đã bị thu hồi, nội dung công văn xác định Quyết định số 330/QĐ-UB thu hồi Thửa số 790, diện tích 6672m², Tờ bản đồ 01 thị trấn S là của Hợp tác xã Quyết Tiến. Xét thấy, đây không phải là quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện là chính xác.

4. Ông Dương Công L kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 25/2019/QĐST-HC ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là không có cơ sở, nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận. Vì các lý do như đã nhận định, cụ thể: Tại Mục 2, quyết định hành chính bị kiện không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân; Tại Mục 3, đã quá thời hạn 01 (một) năm và hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 (Điều 116 Luật TTHC năm 2015).

5. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên họp, đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định đình chỉ số 25/2019/QĐST-HC ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N là có căn cứ, được chấp nhận.

Căn cứ điểm 1 khoản 5 Điều 243 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Dương Công L.
2. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 25/2019/QĐST-HC ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
3. Về án phí: Ông Dương Công L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ số tiền Ông Dương Công L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tiền số 0008824 ngày 02/10/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên (ông L đã nộp xong).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Đình Lực

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đặng Văn Hưng

Phan Thị Vân Hương

Đặng Đình Lực